

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2022/DS-ST
Ngày 16 tháng 12 năm 2022
Tranh chấp: Đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vũ Bằng

Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T P. Địa chỉ: 00 Đ, phường 00, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu H V – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T P, chi nhánh M. Địa chỉ: Số 00 Đ, Khu phố 0, phường 0, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị N H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện M, tỉnh B (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn T N (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N H trình bày: Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh T P – Chi nhánh M có thành lập địa điểm kinh doanh tại đường số 0, khóm 0, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (gọi tắt là Bưu cục T), chức năng của Bưu cục là dùng để nhận, phát hàng cho khách hàng.

Vào ngày 16/11/2021 Công ty đã nhận ông Nguyễn T N vào làm việc tại Bưu cục T dưới hình thức là hợp đồng tập nghề. Nhiệm vụ của ông N là nhận hàng của Công ty phát lại cho khách hàng, sau khi phát hàng thì nhận tiền thu hộ và cước phí vận chuyển về cho Công ty. Trong quá trình làm việc thì Công ty có giao cho ông N tổng cộng 66 kiện hàng với tổng giá trị là 46.073.187 đồng. Sau khi nhận được 66 kiện hàng, ông N đã đi giao hàng cho khách hàng và đã nhận

tiền thu hộ của khách hàng. Theo quy định ông N phải có nghĩa vụ mang nộp số tiền này cho Công ty trong ngày nhưng ông N không làm theo quy định mà đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Sau khi xảy ra vụ việc, Công ty có nộp đơn lên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời. Sau khi làm việc tại Cơ quan điều tra thì ông N có khắc phục số tiền 24.500.000 đồng và yêu cầu Công ty căn trừ lương và tiết kiệm là 7.382.481 đồng vào số tiền chiếm dụng. Sau đó, ông N có ký cam kết ngày 29/8/2022 sẽ hoàn trả số tiền còn lại 14.190.706 đồng cho Công ty. Tuy nhiên, đến nay Công ty không liên lạc được với ông N. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn T N trả số tiền 14.190.706 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn T N: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp đòi tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Ông Nguyễn T N là nhân viên của Công ty TNHH Một thành viên Chuyển phát nhanh T P. Nhiệm vụ của ông N là nhận hàng của Công ty phát lại cho khách hàng, sau khi phát hàng thì nhận tiền thu hộ và cước phí vận chuyển về cho Công ty. Trong quá trình làm việc thì Công ty có giao cho ông N tổng cộng 66 kiện hàng với tổng giá trị là 46.073.187 đồng. Sau khi nhận được 66 kiện hàng, ông N đã đi giao hàng cho khách hàng và đã nhận tiền thu hộ của khách hàng. Theo quy định ông N phải có nghĩa vụ mang nộp số tiền này cho Công ty trong ngày nhưng ông N không làm theo quy định mà đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên. Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, ông N đã khắc phục số tiền 24.500.000 đồng và yêu cầu Công ty căn trừ lương và tiết kiệm là 7.382.481 đồng vào số tiền chiếm dụng, số tiền còn lại 14.190.706 đồng ông N ký cam kết sẽ hoàn trả cho Công ty vào ngày 29/8/2022. Tuy nhiên, đến nay ông N không thực hiện theo cam kết. Do ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết nên Công ty TNHH Một thành viên Chuyển phát nhanh T P khởi kiện yêu cầu ông N trả lại cho Công ty số tiền chiếm dụng còn lại là 14.190.706 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp nên được nhận lại. Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 332 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Chuyển phát nhanh T P. Buộc ông Nguyễn T N trả cho Công ty TNHH Một thành viên Chuyển phát nhanh T P số tiền 14.190.706 đồng (Mười bốn triệu một trăm chín mươi nghìn bảy trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, ông N còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Công ty TNHH Một thành viên Chuyển phát nhanh T P không phải chịu án phí. Ngày 13/10/2022 Công ty TNHH Một thành viên Chuyển phát nhanh T P có nộp tạm ứng 355.000 đồng theo biên lai số 0005516 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

- Ông Nguyễn T N phải chịu án phí là 709.500 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Bằng Nguyễn Huỳnh Hương

Trần Thị Kiều Trang

